

VẬT LIỆU HOÀN THIỆN								
III	Tên vật liệu	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn thí nghiệm	Tiêu chuẩn áp dụng	Qui chuẩn	Yêu cầu kỹ thuật	Quy cách mẫu thử	Tần suất
GẠCH								
1	Gạch đất sét nung	1. Xác định kích thước hình học và khuyết tật ngoại quan 2. Xác định cường độ bền nén 3. Xác định cường độ bền uốn 4. Xác định độ hút nước 5. Xác định khối lượng thể tích (1 lần/nhà sản xuất) 6. Xác định vết tróc vôi (1 lần/nhà sản xuất) 7. Xác định độ rỗng (đối với gạch rỗng) 8. Chiều dày thành vách (đối với gạch rỗng)	TCVN 6355-1:2009 TCVN 6355-2:2009 TCVN 6355-3:2009 TCVN 6355-4:2009 TCVN 6355-5:2009 TCVN 6355-7:2009 TCVN 6355-6:2009 TCVN 1450:2009	TCVN 1451:1998 (Đối với gạch đặc) TCVN 1450:2009 (Đối với gạch rỗng)		≤ 16	Chỉ tiêu 1: cần 50 viên; các chỉ tiêu còn lại cần 05 viên/chỉ tiêu. (Căn cứ theo mục 5.1.2 TCVN 1451:1998 và TCVN 1450:2009)	Cứ một lô 100.000 viên lấy mẫu một lần. Mỗi lô nhỏ hơn 100.000 viên xem như một lô. (Căn cứ theo mục 5.1.1 TCVN 1451:1998 và TCVN 1450:2009)
2	Gạch bê tông cốt liệu xi măng	1. Xác định kích thước hình học và khuyết tật ngoại quan 2. Xác định cường độ bền nén 3. Xác định độ hút nước 4. Xác định độ thấm nước	TCVN 6477:2016	TCVN 6477:2016			+ Lấy ngẫu nhiên 10 viên ở các vị trí khác nhau đại diện cho lô làm mẫu thử, đã đủ 28 ngày kể từ ngày sản xuất. + Không lấy những viên bị hư hại do quá trình vận chuyển để làm mẫu thử. (Căn cứ theo mục 5.1 TCVN 6477:2016).	+ Đối với gạch có kích thước tương đương thể tích lớn hơn 10 dm ³ /viên, có lo quy định là 50000 viên; + Đối với gạch có kích thước tương đương thể tích lớn hơn 2 dm ³ /viên
3	Gạch bê tông tự chảy	1. Xác định kích thước hình học và khuyết tật ngoại quan 2. Xác định cường độ bền nén 3. Xác định độ hút nước 4. Xác định độ mài mòn	TCVN 6476:1999	TCVN 6476:1999			+ Lấy 15 viên bất kỳ ở các vị trí khác nhau trong lô, sao cho mẫu đại diện cho cả lô đó.	+ Có lo thông thường không lớn hơn 15.000 viên
4	Bê tông nhẹ - Gạch bê tông khí chưng áp (AAC)	1. Xác định kích thước hình học và khuyết tật ngoại quan 2. Xác định khối lượng thể tích khô 3. Xác định cường độ bền nén 4. Xác định độ co khô	TCVN 9030:2017	TCVN 7959:2017	QCVN 16:2023/BXD		+ Sản phẩm bê tông khí chưng áp: ít nhất 15 viên bất kỳ từ mỗi lô. (Căn cứ theo phụ lục H QCVN 16:2023).	+ Sản phẩm bê tông khí chưng áp: Có lo 500m ³ . + Nếu số lượng nhỏ hơn quy định trên thì cũng coi là 1 lô. (Căn cứ theo mục 4.1 TCVN 9030:2017)
5	Bê tông nhẹ - Gạch bê tông bọt khí không chưng áp (CLC)	1. Xác định kích thước hình học và khuyết tật ngoại quan 2. Xác định khối lượng thể tích khô 3. Xác định cường độ bền nén 4. Xác định độ co khô	TCVN 9030:2017	TCVN 9029:2017			+ Sản phẩm bê tông bọt, khí không chưng áp: ít nhất 15 viên ngẫu nhiên trong lô. (Căn cứ theo mục 4.2 TCVN 9030:2017).	+ Sản phẩm bê tông bọt, khí không chưng áp: Có lo 200m ³ . + Nếu số lượng nhỏ hơn quy định trên thì cũng coi là 1 lô. (Căn cứ theo mục 4.1 TCVN 9030:2017)
GẠCH ỐP LÁT, ĐÁ ỐP LÁT								
1	Gạch ốp lát bề mặt khô	1. Xác định sai lệch kích thước, hình dạng và chất lượng bề mặt 2. Xác định độ hút nước 3. Xác định độ bền uốn 4. Xác định độ chịu mài mòn: + Đồ mài mòn sâu (với gạch không tráng men) + Đồ mài mòn bề mặt (với gạch tráng men) 5. Xác định độ cứng bề mặt theo thang Mohs 6. Hệ số giãn nở nhiệt dài 7. Hệ số giãn nở ẩm 8. Xác định độ bền sắc nhiệt 9. Xác định độ bền rạn men (đối với gạch men) 10. Xác định độ bền chống bám bẩn 11. Hệ số mài sát theo phương pháp sán nghiền (R)	TCVN 6415-2:2016 TCVN 6415-3:2016 TCVN 6415-4:2016 TCVN 6415-6:2016 TCVN 6415-7:2016 TCVN 6415-18:2016 TCVN 6415-8:2016 TCVN 6415-10:2016 TCVN 6415-09:2016 TCVN 6415-11:2016 TCVN 6415-14:2016 TCVN 6415-17:2016	TCVN 7745:2007	QCVN 16:2023/BXD		Lấy mẫu căn cứ theo mục 4.3 TCVN 6415-1:2016 (lấy tối thiểu 15 viên để thí nghiệm đo các chỉ tiêu). Số lượng mẫu thử tối thiểu cho 1 lô mẫu: + Đối với gạch có kích thước cạnh từ 200 mm đến 400 mm, cần 50 viên. + Đối với gạch có kích thước cạnh lớn hơn hoặc bằng 500 mm, cần 35 viên	Cứ 5000m ² lấy mẫu 1 lần. Nếu số lượng nhỏ hơn 5000m ² vẫn được coi như một lô đủ. (Căn cứ theo mục 3.2 TCVN 6415-1:2016).
2	Gạch mosaic	1. Xác định sai lệch kích thước, hình dạng và chất lượng bề mặt 2. Xác định độ hút nước 3. + Xác định tải trọng uốn gây toàn diện + Đồ bền chống trơn trượt + Đồ bám dính của giấy dán sau mặt gạch 4. Xác định độ chịu mài mòn: + Đồ mài mòn sâu (với gạch không tráng men) + Đồ mài mòn bề mặt (với gạch tráng men) 5. Xác định độ cứng bề mặt theo thang Mohs 6. Hệ số giãn nở nhiệt dài 7. Hệ số giãn nở ẩm 8. Xác định độ bền sắc nhiệt 9. Xác định độ bền rạn men (đối với gạch men) 10. Xác định độ bền chống bám bẩn 11. Hệ số mài sát theo phương pháp sán nghiền (R)	TCVN 8495:2010 TCVN 6415-3:2016 TCVN 6415-4:2016 JIS A 15209-12:2008 JIS A 15209-13:2008 TCVN 6415-6:2016 TCVN 6415-7:2016 TCVN 6415-18:2016 TCVN 6415-8:2016 TCVN 6415-10:2016 TCVN 6415-09:2016 TCVN 6415-11:2016 TCVN 6415-14:2016 TCVN 6415-17:2016	TCVN 8495:2010	QCVN 16:2023/BXD	540 N Lấy theo kết quả đo Đồ bám dính của giấy dán sau mặt gạch để đảm bảo các viên gạch không bị bong rớt.	Lấy mẫu căn cứ theo mục 4.3 TCVN 6415-1:2016 (lấy tối thiểu 15 viên để thí nghiệm đo các chỉ tiêu).	Thí nghiệm 01 lần/01 m ² gạch
3	Đá ốp lát tự nhiên	1. Xác định sai lệch kích thước, hình dạng và khuyết tật ngoại quan 2. Độ hút nước 3. Khối lượng thể tích 4. Độ bền uốn 5. Đồ chịu mài mòn bề mặt (Áp dụng với các loại đá có bề mặt phẳng)	TCVN 4732:2016 TCVN 6415-3:2016 TCVN 4732:2016 TCVN 6415-4:2016 TCVN 4732:2016	TCVN 4732:2016	QCVN 16:2023/BXD		Lấy 05 viên nguyên	Cứ 500 m ² lấy mẫu 1 lần. Nếu số lượng nhỏ hơn 500 m ² vẫn được coi như một lô đủ.
4	Đá ốp lát nhân tạo	1. Xác định kích thước và chất lượng bề mặt 2. Độ hút nước, độ xếp biểu kiến, khối lượng riêng tương đối và khối lượng thể tích. 3. Độ bền uốn và lực uốn gãy 4. Đồ bền mài mòn sâu đối với gạch không phủ men 4. Đồ bền mài mòn bề mặt đối với gạch phủ men 5. Đồ bền hóa học 6. Đồ bền chống bám bẩn 7. Đồ cứng vạch bề mặt tính theo thang Mohs 8. Hệ số giãn nở nhiệt dài	TCVN 6415-2:2016 TCVN 6415-3:2016 TCVN 6415-4:2016 TCVN 6415-6:2016 TCVN 6415-7:2016 TCVN 6415-13:2016 TCVN 6415-14:2016 TCVN 6415-18:2016 TCVN 6415-8:2016	TCVN 8057:2009	QCVN 16:2023/BXD		Lấy 05 viên mẫu có kích thước 47x47 mm 06 mẫu thử, kích thước (100x100) mm và độ dày (10 ± 2) mm 06 mẫu thử, kích thước (100x100) mm và độ dày (10 ± 2) mm 10 mẫu thử, kích thước tối thiểu như sau: + Chiều dài ít nhất là (200 ± 0,3) mm; + Chiều rộng ít nhất là (50 ± 0,3) mm và không lớn hơn chiều dài. 06 mẫu thử, kích thước tối thiểu (100x70) mm 04 mẫu thử, kích thước tối thiểu (300x300) mm Lấy 05 viên mẫu có kích thước 100x200 mm	Thí nghiệm 01 lần trên 01 chủng loại đá
5	Vữa, keo dán gạch ốp lát góc xi măng: Loại keo dán gạch loại thường (Dùng trong nhà, không tiếp xúc mưa, nắng)	1. Xác định thời gian mở 2. Xác định cường độ bám dính khi kéo ở điều kiện tiêu chuẩn 3. Xác định cường độ bám dính khi kéo sau khi ngâm trong nước 4. Xác định cường độ bám dính khi kéo sau khi gia nhiệt trong nhà, không tiếp xúc mưa, nắng 6. *Xác định biến dạng ngang (Thí nghiệm 1 lần)	TCVN 7899-2:2008 (ISO 13007-2)	TCVN 7899-1:2008		≥ 20 phút ≥ 0,5 N/mm ² ≥ 0,5 N/mm ² Không yêu cầu ≤ 0,5 mm	Lấy mẫu đại diện với khối lượng không ít hơn 2 kg. (Căn cứ theo mục 3.1 TCVN 7899-2:2008).	Mỗi lô sản phẩm lấy mẫu 1 lần.
6	Vữa, keo dán gạch ốp lát góc xi măng: Loại C1T (Dùng cho nhà vệ sinh và Ban công, nơi tiếp xúc mưa nắng)	1. Xác định thời gian mở 2. Xác định cường độ bám dính khi kéo ở điều kiện tiêu chuẩn 3. Xác định cường độ bám dính khi kéo sau khi ngâm trong nước 4. Xác định cường độ bám dính khi kéo sau khi gia nhiệt 5. Xác định độ trượt 6. *Xác định biến dạng ngang (Thí nghiệm 1 lần)	TCVN 7899-2:2008 (ISO 13007-2)	TCVN 7899-1:2008		≥ 30 phút ≥ 0,5 N/mm ² ≥ 0,5 N/mm ² ≥ 0,5 N/mm ² ≤ 0,5 mm	Lấy mẫu đại diện với khối lượng không ít hơn 2 kg. (Căn cứ theo mục 3.1 TCVN 7899-2:2008).	Mỗi lô sản phẩm lấy mẫu 1 lần.
7	Vữa, keo dán gạch ốp lát góc xi măng: Loại C2T (Dùng ốp lát bề bori)	1. Xác định thời gian mở 2. Xác định cường độ bám dính khi kéo ở điều kiện tiêu chuẩn 3. Xác định cường độ bám dính khi kéo sau khi ngâm trong nước 4. Xác định cường độ bám dính khi kéo sau khi gia nhiệt 5. Xác định độ trượt 6. *Xác định biến dạng ngang (Thí nghiệm 1 lần)	TCVN 7899-2:2008 (ISO 13007-2)	TCVN 7899-1:2008		≥ 30 phút ≥ 1 N/mm ² ≥ 1 N/mm ² ≥ 1 N/mm ² ≤ 0,5 mm	Lấy mẫu đại diện với khối lượng không ít hơn 2 kg. (Căn cứ theo mục 3.1 TCVN 7899-2:2008).	Mỗi lô sản phẩm lấy mẫu 1 lần.